

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2021/HS-ST
Ngày: 10-11-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đỗ Thị Thu Hà.

2/ Ông Nguyễn Minh Trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tất Minh Tuấn, ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 139/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2020/QĐXXST-HS ngày 25/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2021/HSST-QĐ ngày 08/9/2021 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Phùng Kim T**, sinh năm 1990. Tại: Hà Nội. Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã V1, huyện B, Thành phố Hà Nội. Nơi ở: Căn hộ số x, tầng x1, Block x2, Chung cư S, Đường x3, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phùng Kim T1 và bà Phùng Thị N1; Vợ: Lò Thị H, có 01 con sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1982. Tại: Hà Nội. Nơi ĐKKHKT: Thôn x4, xã N, huyện G, Thành phố Hà Nội. Nơi ở: Căn hộ số x5, tầng x6, chung cư M, phường VP, thành phố TA, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị V; Vợ: Kiều Thị Như Q, có 01 con sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà Lê Thị Bích N, sinh năm 1996. HKTT: Số x6, Khu x7, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Nơi ở: Số x8, đường P, Khu x9, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị Đan Th, sinh năm 1994. HKTT: Số x9, đường P1, khu x10, phường P, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Kim T và Nguyễn Văn H là những đối tượng không có nghề nghiệp ổn định và bắt đầu từ khoảng tháng 09/2020 T là người rủ rê và bỏ ra tiền vốn để cho H tìm đến những người có nhu cầu vay tiền trên địa bàn thành phố M, tỉnh Bình Dương để thỏa thuận cho vay nhằm thu lãi nặng với mức lãi suất dao động từ 354% - 2.190%/số tiền vay/năm (tức là gấp hơn từ 17 lần đến 110 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự là không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay). Khi thỏa thuận vay tiền, H yêu cầu người vay phải viết giấy nợ và để cho H quay lại video với nội dung là có mượn tiền của H còn số tiền vay mượn sẽ được H và T chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có số tài khoản 1540123869xxx do Nguyễn Văn H là chủ tài khoản và tài khoản Ngân hàng A có số tài khoản 45110000369xxx do Phùng Kim T là chủ tài khoản vào tài khoản ngân hàng của người vay. Sau khi vay tiền thì số tiền góp hàng ngày người vay sẽ chuyển trực tiếp vào tài khoản của H rồi H chuyển tiền lại cho T. Quá trình xác minh và điều tra đến nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã xác định được T và H đã cho chị Nguyễn Thị Đan Th và chị Lê Thị Bích N vay tiền để hưởng lãi xuất cao, cụ thể như sau:

1/ Đối với người vay là chị Nguyễn Thị Đan Th: Ngày 27/10/2020, chị Th vay của Phùng Kim T và Nguyễn Văn H số tiền 20.000.000 đồng với hình thức trả góp mỗi ngày 2.000.000 đồng/ngày, trả trong 25 ngày thì đủ tiền gốc và tiền lãi với tổng số tiền là 50.000.000 đồng (như vậy, tiền gốc là 800.000/ngày và tiền lãi là 1.200.000 đồng/ngày tương đương lãi xuất 2.190%/trên số tiền vay/năm). Tuy nhiên, T và H đã thu trước tiền phí dịch vụ là 3.000.000 đồng và thu trước 02 ngày góp là 4.000.000 đồng nên khi cho vay thì T và H chỉ đưa cho chị Th số tiền 13.000.000 đồng. Tính đến thời điểm ngày 01/12/2020, chị Th đã trả góp được 17/25 ngày, tương đương với số tiền là 34.000.000 đồng. Như vậy, ở lần vay này, sau khi trừ đi số tiền nợ gốc đã góp trong 17 ngày là 13.600.000 đồng thì T và H đã thu được số tiền lãi là 20.400.000 đồng (trong đó tiền lãi trong mức 20% trên số tiền vay là 188.700 đồng và tiền lãi vượt mức 20% là 20.211.300 đồng). Do đó, T và H thu lợi bất chính được tổng số tiền 23.211.300 đồng (bao gồm tiền lãi vượt mức 20% và tiền phí dịch vụ). Ngoài ra, hiện nay chị Th còn dư nợ gốc của T và H số tiền 3.400.000 đồng.

2/ Đối với người vay là chị Lê Thị Bích N:

- Lần thứ nhất: Ngày 19/9/2020, chị Lê Thị Bích N vay của Phùng Kim T và Nguyễn Văn H số tiền 50.000.000 đồng với hình thức trả góp mỗi ngày 2.500.000 đồng/ngày, trả trong 28 ngày thì đủ tiền gốc và tiền lãi với tổng số tiền là 70.000.000 đồng (như vậy, tiền gốc là 1.785.714/ngày và tiền lãi là 714.286 đồng/ngày tương đương lãi xuất 521,4%/trên số tiền vay/năm). Tuy nhiên, T và H đã thu trước tiền phí dịch vụ là 7.500.000 đồng và thu trước 02 ngày góp là 5.000.000 đồng nên khi cho vay thì T và H chỉ đưa cho chị N số tiền 37.500.000 đồng. Tính đến thời điểm ngày 01/12/2020, chị N đã trả góp đủ 25/25 ngày tương đương với số tiền là 70.000.000 đồng. Như vậy, ở lần vay này, T và H đã thu được số tiền lãi là 20.000.000 đồng (trong đó tiền lãi trong mức 20% là 770.000 đồng và tiền lãi vượt mức 20% là 19.230.400 đồng). Do đó, T và H thu lợi bất chính được tổng số tiền là 26.730.400 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 07/10/2020, chị Lê Thị Bích N tiếp tục vay của Phùng Kim T và Nguyễn Văn H số tiền 70.000.000 đồng với hình thức trả góp mỗi ngày 2.800.000

đồng/ngày, trả trong 33 ngày thì đủ tiền gốc và tiền lãi là 92.400.000 đồng (như vậy, tiền gốc là 2.121.200/ngày và tiền lãi là 678.800 đồng/ngày tương đương lãi xuất 354%/trên số tiền vay/năm). Tuy nhiên, T và H đã thu trước tiền phí dịch vụ là 7.000.000 đồng và thu trước 02 ngày góp là 5.600.000 đồng và trừ tiền nợ góp ở lần vay thứ nhất là ngày 19/9/2020 với số tiền là 27.500.000 đồng nên khi cho vay thì T và H chỉ đưa cho chị N số tiền 29.900.000 đồng. Tính đến thời điểm ngày 01/12/2020, chị N đã trả góp đủ 33/33 ngày tương đương với số tiền là 92.400.000 đồng. Như vậy, ở lần này vay này, T và H đã thu được số tiền lãi là 22.400.000 đồng (trong đó tiền lãi trong mức 20% là 1.282.050 đồng và tiền lãi vượt mức 20% là 21.118.350 đồng). Do đó, T và H thu lợi bất chính được tổng số tiền là 28.118.350 đồng.

- Lần thứ ba: Ngày 26/10/2020, chị Lê Thị Bích N tiếp tục vay của Phùng Kim T và Nguyễn Văn H số tiền 140.000.000 đồng với hình thức trả góp mỗi ngày 5.600.000 đồng/ngày, trả trong 36 ngày thì đủ tiền gốc và tiền lãi là 201.600.000 đồng (như vậy, tiền gốc là 3.888.900/ngày và tiền lãi là 1.711.100 đồng/ngày tương đương lãi xuất 446%/trên số tiền vay/năm). Tuy nhiên, T và H đã thu trước tiền phí dịch vụ là 21.000.000 đồng và thu trước 03 ngày góp là 16.800.000 đồng và trừ tiền nợ góp ở lần vay thứ hai là ngày 07/10/2020 với số tiền là 39.200.000 đồng nên khi cho vay thì T và H chỉ đưa cho chị N số tiền 63.000.000 đồng. Tính đến thời điểm ngày 01/12/2020, chị N đã trả góp được 14/36 ngày tương đương với số tiền là 78.400.000 đồng. Như vậy, ở lần vay này, sau khi trừ đi số tiền nợ gốc đã góp trong 14 ngày là 54.444.446 đồng thì T và H đã thu được số tiền lãi là 23.955.554 đồng (trong đó tiền lãi trong mức 20% trên số tiền vay là 1.087.800 đồng và tiền lãi vượt mức 20% là 22.867.600 đồng). Do đó, T và H thu lợi bất chính được tổng số tiền 43.867.600 đồng (bao gồm tiền lãi vượt mức 20% và tiền phí dịch vụ). Ngoài ra, hiện nay chị Th còn dư nợ gốc của T và H số tiền 64.555.400 đồng.

Đối với số vật chứng thu giữ trong quá trình xác minh và điều tra được xác định và xử lý như sau:

- Đối với 01 (một) xe mô tô Honda AirBlade, màu trắng-bạc-đen, số máy F27EE0912xxx, số khung 2704BY126xxx, biển số 59K1-206.xx thu giữ của Nguyễn Văn H là phương tiện H dùng để đi đến gặp những người có nhu cầu vay để thực hiện thỏa thuận về việc cho vay lãi nặng và chiếc xe trên do H mua lại của ông Nguyễn Việt D theo hợp đồng mua bán xe mô tô số: 0017xx được Văn phòng công chứng N công chứng vào ngày 16/3/2020 nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu trắng, loại 64GB có số IMEI: 35 391710 454755 1 thu giữ của Phùng Kim T và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, màu đen, loại 64GB có số IMEI: 35 383810 720517 7 thu giữ của Nguyễn Văn H được xác định là những công cụ T dùng để chuyển tiền cho H rồi Hội chuyển tiền cho người vay nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) thẻ ngân hàng của A có số tài khoản 45110000369xxx do Phùng Kim T là chủ tài khoản và 01 (một) thẻ ngân hàng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có số tài khoản 1540123869xxx do Nguyễn Văn H là chủ tài khoản được

xác định là công cụ để T và H thực hiện hành vi chuyển tiền cho vay và nhận tiền góp nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giao trả cho các Ngân hàng để xử lý theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 142/CT-VKS-HS ngày 05/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Phùng Kim T, Nguyễn Văn H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phùng Kim T mức phạt tiền từ 230.000.000 đồng đến 260.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 230.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Buộc các bị cáo hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền lãi thu vượt quá mức lãi suất 20%/năm. Cụ thể: Phùng Kim T, Nguyễn Văn H liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đan Th số tiền 20.211.300đ, liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị Bích N số tiền 63.216.400 đồng.

Về biện pháp tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước các phương tiện dùng vào việc phạm tội gồm: 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 11 Promax màu trắng loại 64G có số Imei: 353917104547551; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 11 Pro màu đen loại 64G có số Emei: 353838107205177 ; 01 (một) xe mô tô hai bánh đã qua sử dụng hiệu Honda Airbalde màu trắng bạc đen, số máy: F27EE0912xxx, số khung: 2704BY126xxx, biển số 59K1 – 20xxx (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

Buộc các bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước số tiền dùng cho vay và tiền thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay lãi nặng. Cụ thể: Phùng Kim T nộp 114.936.200 đồng; Nguyễn Văn H nộp 114.936.200 đồng.

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp lại số tiền vay chưa thanh toán sung ngân sách nhà nước. Cụ thể: Bà Nguyễn Thị Đan Th nộp 3.400.000 đồng; bà Lê Thị Bích N nộp 64.555.400 đồng.

Giao các Ngân hàng A, Q các tài khoản để xử lý theo quy định pháp luật: 01 (một) thẻ ngân hàng của Ngân hàng A số tài khoản 45110000369xxx; 01 (một) thẻ ngân hàng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tài khoản 1540123869xxx.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 12/2020, Phùng Kim T, Nguyễn Văn H đã thực hiện cho vay tiền với lãi suất vượt từ 17,47 đến 108,1 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự 2015 đối với 02 người trên địa bàn thành phố M, tỉnh Bình Dương, thu lợi bất chính số tiền 121.927.650 đồng. Do đó, hành vi mà các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi mà các bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ảnh hưởng trật tự, trị an của xã hội. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi mà các bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh, nhu cầu về kinh tế của những người đi vay, thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, để có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo cũng như đấu tranh phòng chống tội phạm chung trong xã hội, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo đã thực hiện. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện nhưng do Tlả người nảy sinh ý định và cung cấp tiền vốn để cho vay nên mức hình phạt của Tphải cao hơn bị cáo Hợi.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Do số lượng người vay ít, quy mô, hình thức hoạt động không mang tính tổ chức, chuyên nghiệp. Vì thế không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng răn đe đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc Phùng Kim T hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền lãi thu vượt quá mức lãi suất 20%/năm. Cụ thể: hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đan Th số tiền 20.211.300đ (hai mươi triệu hai trăm mười một nghìn ba trăm đồng), hoàn trả cho bà Lê Thị Bích N số tiền 63.216.400đ (sáu mươi ba triệu hai trăm mười sáu nghìn bốn trăm đồng).

[7] Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước các phương tiện dùng vào việc phạm tội gồm: 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 11 Promax màu trắng loại 64G có số Imei: 353917104547551; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 11 Pro màu đen loại 64G có số Emei: 353838107205177 ; 01 (một) xe mô tô hai bánh đã qua sử dụng hiệu Honda Airbalde màu trắng bạc đen, số máy: F27EE0912xxx, số khung: 2704BY126xxx, biển số 59K1 – 20xxx (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

Buộc Phùng Kim T nộp vào ngân sách nhà nước số tiền dùng cho vay và tiền thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay lãi nặng là 229.872.400đ (hai trăm hai mươi chín triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp lại số tiền vay chưa thanh toán sung ngân sách nhà nước, cụ thể: Bà Nguyễn Thị Đan Th nộp 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm nghìn đồng); bà Lê Thị Bích N nộp 64.555.400đ (sáu mươi bốn triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm đồng).

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thẻ ngân hàng của Ngân hàng A số tài khoản 45110000369xxx mang tên Phùng Kim T; 01 (một) thẻ ngân hàng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tài khoản 1540123869xxx mang tên Nguyễn Văn H.

Kiến nghị: Ngân hàng đầu tư và phát triển A thực hiện thủ tục đóng tài khoản số 45110000369xxx mang tên Phùng Kim T; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q thực hiện thủ tục đóng tài khoản số 1540123869xxx mang tên Nguyễn Văn H.

[8] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Phùng Kim T, Nguyễn Văn H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2/ Về hình phạt:

2.1/ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phùng Kim T số tiền 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng)

2.2/ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

3/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc Phùng Kim T hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền lãi thu vượt quá mức lãi suất 20%/năm. Cụ thể: hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đan Th số tiền 20.211.300đ (hai mươi triệu hai trăm mười một nghìn ba trăm đồng), hoàn trả cho bà Lê Thị Bích N số tiền 63.216.400đ (sáu mươi ba triệu hai trăm mười sáu nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước các phương tiện dùng vào việc phạm tội gồm: 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 11 Promax màu trắng loại 64G có số Imei: 353917104547551; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 11 Pro màu đen loại 64G có số Emei: 353838107205177 ; 01 (một) xe mô tô hai bánh đã qua sử dụng hiệu Honda Airbalde màu trắng bạc đen, số máy: F27EE0912xxx, số khung: 2704BY126xxx, biển số 59K1 – 20xxx (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

Buộc Phùng Kim T nộp vào ngân sách nhà nước số tiền dùng cho vay và tiền thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay lãi nặng là 229.872.400đ (hai trăm hai mươi chín triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp lại số tiền vay chưa thanh toán sung ngân sách nhà nước, cụ thể: Bà Nguyễn Thị Đan Th nộp 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm nghìn đồng); bà Lê Thị Bích N nộp 64.555.400đ (sáu mươi bốn triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm đồng).

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thẻ ngân hàng của Ngân hàng A số tài khoản 45110000369xxx mang tên Phùng Kim T; 01 (một) thẻ ngân hàng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tài khoản 1540123869xxx mang tên Nguyễn Văn H.

Kiến nghị: Ngân hàng đầu tư và phát triển A thực hiện thủ tục đóng tài khoản số 45110000369xxx mang tên Phùng Kim T; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q thực hiện thủ tục đóng tài khoản số 1540123869xxx mang tên Nguyễn Văn H.

(Thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 142.21 ngày 24/8/2021 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Công an thành phố Thủ Dầu Một).

4/ Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Phùng Kim T chịu 4.171.400đ (bốn triệu một trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo